

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ CHÂU
NGHỆ AN

Mẫu số 52-DS theo NQ số 01/2017 HĐTP - TANDTC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST

Ngày 19/5/2021

V/v tranh chấp Hôn nhân và
gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Duệ và bà Vi Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lô Văn Linh - Thẩm tra viên tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại phòng xử án Tòa gia đình và người chưa thành niên, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử (Lần thứ hai) số 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tr - sinh năm 1992.

Trú tại: Bản KT, xã CB, huyện QC, tỉnh NA.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lữ Văn Đ - sinh năm 1987.

Trú tại: Bản KT, xã CB, huyện QC, tỉnh NA.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị Tr trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tr và anh Lữ Văn Đ kết hôn với nhau vào ngày 09/6/2015 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã CB, huyện QC, tỉnh NA. Sau đám cưới, vợ chồng sống chung nhà với bố mẹ anh Đ là ông Lữ Văn K và bà Phan Thị L tại bản KT, xã CB, huyện QC, tỉnh NA rồi sau đó đưa nhau vào Nam làm ăn. Quan hệ tình cảm vợ - chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân theo chị Tr trình bày là do tính cách hai người không hợp, anh Đ không tu chí làm ăn, thường xuyên cờ bạc tụ tập, vợ chồng không quan tâm nhau trong cuộc sống. Từ tháng 11/2019 đến nay hai người đã sống ly thân, không quan tâm chăm sóc và không có trách nhiệm với nhau trong cuộc

sống, không có mối liên hệ trên thực tế với nhau nữa. Hiện tại chị Tr đưa con về sống chung trong gia đình bố mẹ đẻ và lâu nay đi làm thuê ở các tỉnh phía Bắc; còn anh Đ hiện tại đi làm ăn xa. Thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ chung sống không hạnh phúc và không thể kéo dài nên chị Lê Thị Tr đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lữ Văn Đ.

- Về quan hệ con cái: Chị Lê Thị Tr và anh Lữ Văn Đ có với nhau 01 con chung là Lữ Thiên Ph, sinh ngày 02/7/2016. Ngoài ra không nuôi con nuôi và theo chị Tr trình bày thì bản thân không có con riêng. Trong đơn xin ly hôn cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, chị Tr đề nghị nếu ly hôn thì xin được nhận nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Chị Lê Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị Tr cũng không yêu cầu bố mẹ anh Đ là ông Lữ Văn K và bà Phan Thị L phải trích chia công sức lao động cho mình trong thời gian làm dâu trong gia đình. Không yêu cầu anh Đ trợ cấp khi ly hôn.

Vào thời điểm nộp đơn khởi kiện, chị Tr đã thông báo trực tiếp cho anh Đ biết việc đã đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, đã sao gửi đơn ly hôn và các tài liệu liên quan cho anh Đ và hai người đã lập biên bản giao nhận với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Đ đến để làm việc nhưng bản thân anh Đ đều vắng mặt không có lý do cũng như không có tài liệu, chứng cứ gì giao nộp cho Tòa án. Theo thông tin của chị Lê Thị Tr và bố anh Đ là ông Lữ Văn K cung cấp cũng như kết quả xác minh tại UBND xã CB, huyện QC thì anh Đ hiện tại đang có hộ khẩu đăng ký thường trú tại bản Bản KT, xã CB, huyện QC, tỉnh NA. Trong thời gian qua, chính quyền địa phương nhiều lần nhận được Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh Đ và đã tiến hành giao nhận nhưng bản thân anh Đ không có mặt ở nhà nên không giao được; bố đẻ anh Đ là ông Lữ Văn K đã nhận thay các loại giấy tờ, tài liệu đó nhưng không biết anh Đ ở đâu để giao. Bản thân anh Đ nay không có mặt tại địa phương, làm nghề lao động tự do nhưng khi đi đâu làm gì đều không thực hiện việc đăng ký tạm vắng, chính quyền địa phương và người thân trong gia đình cũng như chị Tr không biết anh Đ hiện tại đang đi đâu, làm gì. Về phía Tòa án đã tiến hành mở phiên Tòa để xét xử vụ án lần này là lần thứ hai nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dầu là người địa phương nhưng làm nghề lao động tự do nay đây mai đó, hiện nay đi làm ăn xa không rõ địa chỉ, không thông báo cho chính quyền và người thân biết, không chấp hành các quyết định của Tòa án, không có thái độ cộng tác trong quá trình giải quyết vụ án, không thực hiện các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điểm b khoản 2 điều 227, điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các điều 56, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình, xử:

- Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Tr. Xử cho chị Tr được ly hôn anh Lữ Văn Đ.

- Về việc nuôi con chung: Giao con chung là Lữ Thiên Ph, sinh ngày 02/7/2016 cho chị Lê Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lữ Văn Đ.

Anh Lữ Văn Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về tài sản: Đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Buộc chị Lê Thị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ lời khai của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu cư trú tại huyện QC, tỉnh NA. Do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện QC, tỉnh NA theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự có mặt của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Lê Thị Tr trong quá trình giải quyết vụ án chấp hành đúng và đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Lữ Văn Đ mặc dầu có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng lâu nay đi làm ăn xa, trong quá trình lấy lời khai, quá trình kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiến hành hòa giải và tại phiên tòa đều vắng mặt. Căn cứ vào Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn thi hành một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn là chị Tr đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn, trong khi đó bị đơn là anh Lữ Văn Đ mặc dầu đã được chị Tr thông báo về việc gửi đơn khởi kiện tại Tòa án, đã biết rõ việc Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng vẫn đi làm ăn xa và không thông báo cho nguyên đơn biết nơi đang làm ăn, sinh sống hiện tại của mình, không thông báo với những người thân khác trong gia đình, không báo với chính quyền địa phương và cũng không thông báo cho Tòa án biết. Hành vi đó của anh Đ là đã cố tình chống đối quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ tình cảm: Chị Tr và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định, do đó quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn, do phát mâu thuẫn gia đình mà không tự giải quyết được nên từ tháng 11/2019 đến nay đã ly thân, chị Tr quay về nhà bố - mẹ đẻ ở và đi làm thuê tại các tỉnh phía Bắc, hai bên không liên lạc với nhau, không có trách nhiệm gì với nhau trong cuộc sống nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập các bên để tiến hành thu thập chứng cứ và hòa giải, tuy

nhiên anh Đ không có mặt, do đó việc hòa giải để các đương sự trở lại đoàn tụ không thực hiện được. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Đ. Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng thực sự đã trầm trọng, quan hệ hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Tr, cho chị Lê Thị Tr được ly hôn với anh Lữ Văn Đ là phù hợp thực tế và phù hợp quy định của pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Hai người có 01 con chung là Lữ Thiên Ph, sinh ngày 02/7/2016. Nếu ly hôn, chị Tr đề nghị xin nhận nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc giao con chung chưa trưởng thành cho người nào nuôi sau khi vợ - chồng ly hôn là xuất phát từ quyền lợi của người con phải được nuôi dưỡng, chăm sóc trong điều kiện tốt nhất để phát triển bình thường, khỏe mạnh và có cơ hội học tập, ngoài ra còn xem xét đến khả năng của người được giao nghĩa vụ nuôi con. Nay thấy bản thân chị Tr có sức khỏe, có nhận thức và khả năng làm ăn để nuôi con, bên cạnh đó con chung lâu nay đang do chị Tr nuôi dưỡng; từ lâu nay anh Đ ít khi ở nhà, cuộc sống không ổn định; do đó nghĩ không nên xáo trộn cuộc sống hiện tại của cháu và của các bên. Chấp nhận yêu cầu của chị Tr, giao con chung cho chị Tr nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành và do chị Tr không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lữ Văn Đ. Sau này giữa các bên có tranh chấp về người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng và nếu có yêu cầu thì sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

- Về quan hệ tài sản: Chị Lê Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra cũng không yêu cầu anh Đ và bố mẹ anh Đ là ông ông Lữ Văn K và bà Phan Thị L phải trích chia công sức lao động cho mình trong thời gian làm dâu trong gia đình. Do đó không xem xét.

- Về án phí: Chị Lê Thị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

- Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Tr. Cho chị Lê Thị Tr được ly hôn anh Lữ Văn Đ.

- Về quan hệ con cái: Giao con chung là Lữ Thiên Ph, sinh ngày 02/7/2016 cho chị Lê Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lữ Văn Đ.

Anh Lữ Văn Đ được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Lê Thị Tr phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị Tr đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện QC theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001644 ngày 22/02/2021. Chị Tr đã nộp đủ án phí DSST.

Án xử công khai, sơ thẩm. Có mặt nguyên đơn, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh NA trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh NA trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh NA;
- VKSND huyện QC;
- Chi cục THA Dân sự huyện QC;
- UBND xã CB, huyện QC;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Võ Văn Dũng